TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2024/DS-PT
Ngày: 06 – 12 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Bằng

Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 235/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L (tên gọi khác là X), sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Quốc T1. Địa chỉ: Số A ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang – Là đại diện theo ủy quyền, có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Công T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày: Năm 2022, bà có quen biết ông Huỳnh Công T thông qua mạng xã hội facebook, trên facebook bà ghi tên Ngọc X. Quen biết được một thời gian, ông T có hỏi mượn tiền bà. Do tin tưởng nên bà đã nhiều lần chuyển khoản cho ông T qua số tài khoản 0181003602452 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (viết tắt V) do ông T đứng tên chủ sở hữu, cụ thể các lần chuyển khoản như sau:

Ngày 04/12/2022, chuyển khoản 30.000.000 đồng.

Ngày 11/01/2022, chuyển khoản 8.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2023, chuyển khoản 30.000.000 đồng.

Ngày 28/01/2023, chuyển khoản 20.000.000 đồng.

Ngày 10/02/2023, chuyển khoản 20.000.000 đồng.

Tổng cộng bà chuyển khoản cho ông T số tiền 108.000.000 đồng. Sau nhiều lần bà yêu cầu ông T trả, ông T hẹn bà đến nhà trả đủ số tiền 108.000.000 đồng nhưng khi bà đến nhà thì ông T bỏ trốn, sau đó ông T có chuyển khoản trả bà số tiền 10.000.000 đồng. Bà chỉ nói chuyện qua mạng xã hội chứ không đi chơi hay du lịch hoặc nhờ ông T mua sắm đồ đạc, mỹ phẩm như ông T trình bày. Bà chỉ gặp ông T một lần khi bà xuống nhà ông T đòi tiền. Nay ông T đã chặn số điện thoại, chặn facebook, zalo nên bà khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông Huỳnh Công T trả số tiền 98.000.000 đồng và lãi suất 0,5%/tháng từ ngày 10/02/2023 đến ngày xét xử 15/8/2024 cho bà.

Bà L trình bày thêm, khi bà chuyển tiền cho ông T lần cuối là ngày 10/02/2023 thì ông T yêu cầu bà xóa hết tin nhắn với ông nên bà biết mình bị lừa dối nên tìm cách nhắn tin, mục đích để biết nhà ông T nên hai người có nhắn tin tình cảm và xưng hô vợ chồng. Bà xuống bến xe C rước ông T chạy về nhà ông T, khi đó bà gặp ông T lần đầu và khi đến nhà bà mới biết ông T đã có vợ. Sau khi bà biết nhà ông T, bà có xuống nhà ông T đòi tiền lần nữa thì khi thấy xe bà, ông T đã chạy trốn.

Bị đơn ông Huỳnh Công T có người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Quốc T1 trình bày: Ông Huỳnh Công T và bà Bùi Thị L quen nhau qua mạng xã hội facebook, hai người qua lại và có tình cảm với nhau nên thường xuyên đi chơi, du lịch. Bà L có chuyển khoản cho ông T số tiền 108.000.000 đồng nhưng đó là tiền bà L chuyển nhờ ông T mua đồ đạc như quà, mỹ phẩm... và để hai người đi du lịch.

Ông T1 cung cấp 02 đoạn tin nhắn tình cảm giữa bà L và ông T chứng tỏ bà L và ông T đã gặp gỡ nhiều lần. Sau khi bà L trình bày hoàn cảnh khó khăn ông T có cho lại bà L số tiền 10.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển khoản.

Ông T không thừa nhận việc mượn tiền bà L và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại bản án sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L với bị đơn ông Huỳnh Công T. Buộc ông Huỳnh Công T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L tổng số tiền nợ 106.950.666 đồng(bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 98.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 10/02/2023 đến ngày xét xử 15/8/2024 là số tiền 8.950.666 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, ông Huỳnh Công T có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS – ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc, không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi suất.

Nguyên đơn cho rằng không có chuyện đi du lịch với ông T, cũng không có chuyện gửi ông T mua quà, mỹ phẩm vì không thể nào là người nông dân mà trong thời gian ngắn lại mua số tiền lớn như vậy.

Đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án giải quyết sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền bà L chuyển cho bị đơn là để trả chi phí hai người đi du lịch và mua mỹ phẩm, không phải là tiền vay của nguyên đơn. Bởi vì nếu vay phải có thời gian trả. Theo nguyên đơn trình bày bị đơn vay lần thứ nhất với thời gian trả 01 tháng tuy nhiên 01 tháng sau bị đơn không trả nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục cho bị đơn vay lần thứ hai, thứ ba...là không hợp lý. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi thì bị đơn đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 98.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Công T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Đối với kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng

[2.1]. Đối với số tiền gốc: Bà L và ông T khai thống nhất với nhau về việc bà L có chuyển cho ông T nhiều lần tổng cộng số tiền 108.000.000 đồng, ông T đã trả được 10.000.000 đồng, bà L có cung cấp các bảng sao kê các lần chuyển khoản qua số tài khoản do ông T đứng tên. Như vậy có việc ông T đã nhận tiền của bà L 108.000.000 đồng, đã chuyển lại cho bà L 10.000.000 đồng, còn lại 98.000.000 đồng là sự thật nhưng ông T không thừa nhận mượn nợ bà L mà cho rằng bà L chuyển tiền mục đích hai người đi du lịch và bà L nhờ ông T mua sắm đồ đạc, mỹ phẩm. Tuy nhiên, ông T trình bày như vậy nhưng không có chứng cứ chứng minh, số tiền bà L chuyển khoản cho ông T được sử dụng vào mục đích như ông T trình bày. Hơn nữa, việc chuyển tiền xảy ra liên tục trong thời gian ngắn là không phù hợp. Trong khi đó, theo quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản không bắt buộc phải lập thành văn bản và để thực hiện giao dịch này thì "bên cho vay giao tài sản cho bên vay" là đã thực hiện xong giao dịch. Như vậy, bà L đã giao cho ông T số tiền thì ông T phải có trách nhiệm trả lại cho bà L khi bà L có yêu cầu. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số nợ gốc là có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi suất: xét thấy bà L chỉ chuyển khoản cho ông T, nội dung các lần chuyển khoản không đề cập đến vay có lãi suất, tại các lời trình bày, bà L cũng chỉ khai do cần tiền sử dụng vào các mục đích của ông T nên bà chuyển cho ông T vay nhiều lần mà không nói đến việc thỏa thuận lãi. Trên thực tế, mặc dù ông T không trả cho bà L bất cứ khoản lãi nào nhưng bà L vẫn chuyển tiền cho ông T nhiều lần. Do đó, có căn cứ xác định việc bà L cho ông T vay tiền không có thỏa thuận về lãi. Theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay chỉ có quyền yêu cầu bên vay trả lại với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Bà L khi cho ông T vay không đề cập đến thời hạn trả nợ, bà cũng không có bất kỳ chứng cứ chứng minh thời hạn ông T phải trả số tiền trên cho bà, nên xác định đây là khoản vay không kỳ hạn trả và ông T không có trách nhiệm trả lãi. Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và nhận định "Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng" là không chính xác vì khoản 2 Điều 468 quy định thuộc trường hợp có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi và được người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết phúc thẩm về yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi.

[3]. Từ những căn cứ trên, xét thấy ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận đối với số tiền gốc.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Công T phải chịu án phí đối với số tiền gốc phải trả 98.000.000 đồng x 5% = 4.900.000 (bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về lãi suất nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Điều 357; 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Công T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và được bị đơn đồng ý.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L với bị đơn ông Huỳnh Công T. Buộc ông Huỳnh Công T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L tổng số tiền nợ gốc 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng).

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với yêu cầu phần lãi suất ông T phải trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Công T phải chịu án phí là 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Bà Bùi Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.021.000 đồng theo biên lai thu số 0004450 ngày 21/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Huỳnh Công T không phải chịu, ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 004684 ngày 28/8/2024 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 06 tháng 12 năm 2024.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND Huyện Châu Thành A, T. Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A, T. Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thọ